

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/KDTM-ST
Ngày: 25 – 6 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2020/TLST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-KDTM ngày 02/6/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; trụ sở: Phố L, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Hoài D, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường 3, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 099/2019/GUQ-TPB.LC ngày 16/3/2019), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên T; trụ sở chính: Khu phố B, phường G, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đ; chỗ ở hiện tại: Khu phố B, phường G, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là ngân hàng) có cấp tín dụng cho Công ty TNHH Một thành viên T (gọi tắt là Công ty T) theo Hợp đồng tín dụng số 391/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 13/6/2018 số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng); mục đích vay để công ty bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty T; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 13,5%/năm từ ngày 14/6/2018 đến ngày 14/9/2018. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo từ ngày 14/10/2018 được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở khách hàng doanh nghiệp ba tháng của ngân hàng cộng với biên độ 6,2%/năm, hiện tại nợ quá hạn của nợ gốc được tính lãi 14,5%/năm. Thực hiện hợp đồng này, Công ty T đã ký khế ước giải ngân và nhận nợ số 391/2018/BTA/01 ngày 14/6/2018 với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và khế ước giải ngân và nhận nợ số 391/2018/BTA/02 ngày 16/7/2018 với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Theo đó, số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) đã được giải ngân cho bị đơn thành hai lần hết số tiền trên. Lần 1 giải ngân vào ngày 14/6/2018, lần 2 giải ngân vào ngày 16/7/2018, giải ngân bằng tiền mặt vào tài khoản của bị đơn được mở tại Ngân hàng TMCP T, bị đơn đã rút toàn bộ số tiền vay từ tài khoản trên và sử dụng.

Về việc thanh toán: Ngân hàng và công ty đã thỏa thuận: Bị đơn phải trả lãi hàng tháng vào ngày 25 dương lịch của mỗi tháng, lịch trả nợ và số tiền cần phải trả hàng tháng ngân hàng đã giao cho người đại diện hợp pháp của công ty, tuy nhiên hàng tháng ngân hàng vẫn có tin nhắn nhắc nhở công ty. Số tiền gốc được trả vào cuối kỳ.

Về thế chấp tài sản: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T cho Công ty T vay số tiền trên không nhận tài sản thế chấp, chỉ là vay tín chấp.

Sau khi giải ngân và đến kỳ trả nợ, tính đến ngày 15/11/2018 Công ty T đã trả được số tiền nợ gốc là 830.000.000 đồng, tiền lãi đã trả được 47.178.082 đồng. Từ ngày 16/11/2018, bị đơn Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc trả nợ, ngày 16/3/2019 nguyên đơn gửi cho bị đơn thông báo số 412/2019/TB-TP Bank về việc khởi kiện, đồng thời nguyên đơn cũng cử nhân viên đến trực tiếp công ty để làm việc nhưng không gặp được người đại diện hợp pháp của công ty. Vào ngày 28/5/2020, bị đơn thanh toán tiếp cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Đến thời điểm hiện nay bị đơn không tiếp tục thanh toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Tính đến ngày 25/6/2020, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 881.178.082 đồng, trong đó nợ gốc đã trả 834.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 47.178.082 đồng;

Dư nợ tính đến ngày 25/6/2020 là 243.011.040 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 166.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 77.011.040 đồng.

Việc Công ty TNHH Một thành viên T không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Một thành viên T thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/6/2020 là 243.011.040 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 166.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 77.011.040 đồng, số tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 391/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 13/6/2018 kể từ ngày 25/6/2020 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Một thành viên T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh tài sản để tiến hành kê biên và phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP T theo quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Một thành viên T tại Ngân hàng TMCP T.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng cấp tín dụng số 391/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 13/6/2018; khế ước giải ngân và nhận nợ số 391/2018/GNN/BTA/01 ngày 14/6/2018, khế ước giải ngân và nhận nợ số 391/2018/GNN/BTA/02 ngày 16/7/2018, sao kê tài khoản, thông báo khởi kiện ngày 16/3/2019.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179, 196, 208, 220 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 20/02/2020 (Bút lục 67), Công văn số 216/ĐKKD ngày 02/3/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương (bút lục 79) xác định bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T có trụ sở tại khu phố B, phường G, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, vì ngày 28/5/2020 bị đơn thanh toán tiếp cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 25/6/2020 là 166.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/6/2020 là 243.011.040 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 166.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 77.011.040 đồng.

Tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 391/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 13/6/2018 kể từ ngày 26/6/2020 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Xét Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 391/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 13/6/2018 thấy rằng: Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH Một thành viên T là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Hai bên đã thỏa thuận: Công ty TNHH Một thành viên T vay của Ngân hàng TMCP T số

tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng); mục đích vay để công ty bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty T; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 13,5%/năm từ ngày 14/6/2018 đến ngày 14/9/2018. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo từ ngày 14/10/2018 được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở khách hàng doanh nghiệp ba tháng của ngân hàng cộng với biên độ 6,2%/năm, cho vay không thế chấp tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) vào tài khoản của bị đơn được mở tại Ngân hàng TMCP T thành hai lần, vào ngày 14/6/2018 và ngày 16/7/2018, mỗi lần giải ngân số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Đồng thời, Công ty T đã ký khế ước giải ngân và nhận nợ số 391/2018/BTA/01 ngày 14/6/2018 với số tiền 500.000.000 đồng và khế ước giải ngân và nhận nợ số 391/2018/BTA/02 ngày 16/7/2018 với số tiền 500.000.000 đồng, bị đơn đã rút toàn bộ số tiền vay từ tài khoản trên và sử dụng.

Tính đến ngày 15/11/2018 bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc là 830.000.000 đồng, tiền lãi 47.178.082 đồng. Từ ngày 16/11/2018 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán gốc và lãi cho nguyên đơn đúng thỏa thuận. Đến ngày 28/5/2020, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn thêm số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng. Việc bị đơn không thanh toán nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tiền lãi như trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Một thành viên T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/6/2020 là 243.011.040 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm mười một nghìn không trăm bốn mươi đồng), bao gồm:

Tiền nợ gốc: 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng);

Lãi quá hạn: 77.011.040 đồng (Bảy mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 391/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 13/6/2018 kể từ ngày 26/6/2020 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

Trong giai đoạn thi hành án Công ty TNHH Một thành viên T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh tài sản để tiến hành kê biên và phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Một thành viên T tại Ngân hàng TMCP T.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T phải chịu 12.150.552 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 4.920.000 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0046137 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh